

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-PT

Ngày 16-5-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú và ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Cán bộ TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn Bắc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/4/2022 và 16/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2022/TLPT-KDTM ngày 26/01/2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 15/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 48/2022/QĐ-PT ngày 14/3/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng NT Việt Nam

Địa chỉ: Quận Đ, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng NT Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T – chức vụ: giám đốc Ngân hàng NT Việt Nam – Chi nhánh B.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Dương Hiền T1 – phó trưởng phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng NT Việt Nam – Chi nhánh B; địa chỉ: Đường C, thành phố T2, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Dương Thanh M – Luật sư Công ty Luật TNHH L; địa chỉ: Phường A, Tp. Hồ Chí Minh; có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch và thương mại N

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Thu N; địa chỉ: Xã K1, huyện G, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị M1; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Hoàng Thị D; địa chỉ: Xã G, huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Văn N1; địa chỉ: Thị trấn P, huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thị trấn P, huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết S; địa chỉ: Huyện S1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị M1, bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Tuyết S: Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: Thị trấn P, huyện G, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn M2; địa chỉ: Xã K1, huyện G, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

7. Phòng công chứng X tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thuyết M3; địa chỉ: Đường C1, Tp. T2, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh U - Chuyên viên Phòng công chứng X tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Lê Thị Thúy O; địa chỉ: Thị trấn R, huyện B1, Đắk Lắk; vắng mặt.

*** Người có yêu cầu độc lập:** Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: Thị trấn P, huyện G, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*** Người kháng cáo:** Ngân hàng NT Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Ngân hàng NT Việt Nam trình bày:**

Ngày 03/12/2010, Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N (gọi tắt là Công ty) ký kết hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201000409 với Ngân hàng NT Việt Nam - chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) để vay với số tiền 3.600.000.000đ; thời hạn 12 tháng; lãi suất 19.5%/năm; ngày trả nợ: ngày 06/12/2011; mục đích vay: kinh doanh thu mua cà phê, nông sản.

Quá trình vay vốn Công ty - giám đốc bà Trịnh Thị N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 31/5/2019 Công ty nợ của Ngân hàng số tiền 9.455.985.013đ (trong đó tiền gốc là 3.379.746.000đ, tiền lãi trong hạn 4.288.555.989đ, tiền lãi chậm trả 1.787.483.024đ).

Để bảo đảm khoản vay trên giữa Công ty với Ngân hàng đã ký kết 02 hợp đồng thế chấp tài sản số 5046/HĐTC ngày 15/12/2009 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010;

Hợp đồng thế chấp tài sản số 5046/HĐTC ngày 15/12/2009 giữa Công ty với Ngân hàng, gồm: 01 xe ô tô khách Hyundai số máy 4BH1162985, số khung HP1U362876, giấy đăng ký xe ô tô số 0018997 do phòng cảnh sát công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/12/2004, biển kiểm soát 47L-3738; 01 xe ô tô Asia số máy H100600945, số khung 62VK000958, giấy đăng ký xe ô tô số 0020304 do phòng cảnh sát công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/06/2005, biển kiểm soát 47K-6628; 01 xe ô tô tải Hyundai số máy D6AUP103589, số khung 19UPPU000804, giấy đăng ký xe ô tô số 0007793 do phòng cảnh sát công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/9/2007, biển kiểm soát 47K-8166.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa Công ty với Ngân hàng và bên thứ 3 bà Phạm Thị M1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 23.880m², trong đó đất khu dân cư 1.940m², đất màu 750m², đất cà phê 21.190m², tại các thửa đất số 170, 43, 54, 54; tờ bản đồ số 10, 11, 2 tại xã P1, huyện G, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 vào sổ số 54022 QSDĐ/BH03 cấp cho ông Nguyễn Văn A.

Nay Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 9.455.985.013đ (trong đó tiền gốc là 3.379.746.000đ, tiền lãi trong hạn 4.288.555.989đ, tiền lãi chậm trả 1.787.483.024đ) tạm tính đến ngày 31/5/2019 và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/6/2019 cho đến khi Công ty trả hết số tiền trên cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp cưỡng chế phát mãi tài sản đảm bảo đã thế chấp.

**** Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N - đại diện theo pháp luật bà Trịnh Thị N trình bày:***

Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N (gọi tắt là Công ty) có vay vốn của Ngân hàng NT Việt Nam - Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng), để đảm bảo khoản vay với Ngân hàng, Công ty có thế chấp 03 xe ô tô của Công ty và 01 quyền sử dụng đất được bà Phạm Thị M1 nhận ủy quyền. Năm 2011 Công ty làm ăn thua lỗ và dẫn tới quá hạn ngân hàng không trả được, tôi đã bàn giao cho Ngân hàng bán 02 chiếc xe đã thế chấp, còn 01 xe lúc đó đã hết đời nên tôi đã bán phế liệu được 120.000.000đ. Tài sản còn lại là tài sản thế chấp quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị M1 và tôi có nói ngân hàng đưa ra Tòa để thu hồi nợ. Hiện nay công ty không còn hoạt động nữa và đã lâu nên tôi không còn nhớ rõ về số nợ cụ thể.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Nguyễn Văn V trình bày:***

Vào năm 2001, gia đình tôi có vay của Ngân hàng NT Việt Nam - Chi nhánh G với số tiền 25.000.000đ để chăm sóc cà phê. Sau đó ông Nguyễn Văn M2 đã liên hệ với Ngân hàng trả số tiền vay và lấy sổ đỏ. Sau đó cha tôi là ông Nguyễn Văn A chết không để lại di chúc và chúng tôi đã họp gia đình để phân chia tài sản của gia đình tôi để các thành viên trong gia đình tôi sử dụng nhưng không có sổ đỏ vì ông M2 đang giữ. Từ khi ông M2 lấy sổ đỏ của gia đình thì gia đình tôi không biết ông M2 thế chấp tại Ngân hàng nào. Đến năm 2019 khi Ngân hàng khởi kiện thì gia đình tôi mới biết. Mẹ tôi bà Phạm Thị M1 là người không biết chữ nhưng lại ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng để cho Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N vay là không đúng. Ngoài ra Công ty thế chấp đất của gia đình tôi vay với số tiền 3.600.000.000đ là quá cao vì tại thời điểm đó tổng tài sản gia đình tôi khoảng 1.000.000.000đ. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng thế chấp giữa 3 bên là mẹ tôi bà Phạm Thị M1, Công ty và Ngân hàng là vô hiệu.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M1 trình bày:***

Vào năm 2001 gia đình tôi có vay của Ngân hàng NT Việt Nam - chi nhánh G với số tiền 25.000.000đ để chăm sóc cà phê, gia đình đã gần hết số tiền vay trên thì con trai tôi là ông Nguyễn Văn M2 đã liên hệ với Ngân hàng trả hết các khoản nợ còn lại.

Vài năm sau chồng tôi chết vì bệnh các con đòi chia tài sản nên tôi đến nhà vợ chồng ông M2 và bà N đòi sổ nhưng vợ chồng N cứ hẹn tới hẹn lui và không giao sổ nên gia đình chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn. Việc Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N lấy tài sản của gia đình tôi và tôi ký bảo lãnh vay vốn Ngân hàng thì tôi không hề biết.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết M3 - đại diện theo pháp luật của Phòng công chứng X trình bày:***

Qua kiểm tra sổ công chứng hợp đồng giao dịch xác nhận thực hiện công chứng hợp đồng hợp thế chấp quyền sử dụng đất giữa bên thế chấp là bà Phạm Thị M1 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng NT Việt Nam - chi nhánh B và bên vay vốn Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N. Tuy nhiên, trong quá trình lưu giữ đơn vị thực hiện di chuyển trụ sở nhiều lần nên hồ sơ công chứng nói trên chưa tìm thấy và công chứng viên trực tiếp đã nghỉ hưu, do đó phòng công chứng không nắm được vụ việc. Đề nghị tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thúy O: Trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện G đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện

Krông Bông xác minh đối với bà Lê Thị Thúy O giao thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Qua xác minh tại chính quyền địa phương vào ngày 19/5/2021 được biết bà Lê Thị Thúy O có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng bà Lê Thị Thúy O đi từ năm 2019 đến nay không về nên chính quyền địa phương không nắm rõ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M2: Trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện G đã triệu tập ông Nguyễn Văn M2 để giao thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn M2 vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại chính quyền địa phương vào ngày 17/8/2020 được biết ông Nguyễn Văn M2 có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng ông Nguyễn Văn M2 đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của tòa án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173 và điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 131, Điều 133, Điều 217, Điều 218, Điều 293, Điều 299, Điều 327, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NT Việt Nam

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N phải trả cho Ngân hàng NT Việt Nam số tiền 10.796.464.534đ (trong đó tiền gốc là 3.379.746.000đ, tiền lãi trong hạn 5.181.935.515đ, tiền lãi chậm trả 2.234.783.019đ) tạm tính đến ngày 02/6/2021 và tiếp tục tính lãi từ ngày 03/6/2021 theo hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201000409 ngày 02/12/2010 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N với Ngân hàng NT Việt Nam.

Chấp nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 5046/HĐTC ngày 15/12/2009 giữa Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N. Ghi nhận việc Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N đã bàn giao 02 tài sản là xe ô tô khách Hyundai số máy 4BH1162985, số khung HP1U362876, giấy đăng ký xe ô tô số 0018997 do phòng cảnh sát công

an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/12/2004, biển kiểm soát 47L-3738 và 01 xe ô tô tải Hyundai số máy D6AUP103589, số khung 19UPPU000804, giấy đăng ký xe ô tô số 0007793 do phòng cảnh sát công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/9/2007, biển kiểm soát 47K-8166 cho Ngân hàng NT Việt Nam. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N có nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng tín dụng đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Asia, nhãn hiệu GRANTO, màu sơn: Trắng, số máy H100600945, số khung 62VK000958, giấy đăng ký xe ô tô số 0020304 do phòng cảnh sát công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/06/2005, biển kiểm soát 47K-6628 hiện nay đã được bà Lê Thị Thúy O sở hữu ngay tỉnh.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn V

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N và bà Phạm Thị M1 là vô hiệu

Buộc Ngân hàng NT Việt Nam có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 vào sổ số 54022 QSDĐ/BH03 cấp cho ông Nguyễn Văn A cho bà Phạm Thị M1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2021, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng NT Việt Nam với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa nguyên đơn với bị đơn và bà Phạm Thị M1 có hiệu lực pháp luật; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có GCNQSD đất số D0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 cho ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị M1; trường hợp cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu, đề nghị cấp phúc thẩm xác định hành vi, lỗi sai phạm của tổ chức, cá nhân để buộc bồi thường thiệt hại cho ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Hiền T1 giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Các ý kiến tranh luận tại phiên tòa:

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Dương Thanh M trình bày tranh luận:*

Hợp đồng thế chấp số 8248 đã thực hiện đầy đủ thủ tục để làm phát sinh hiệu lực theo quy định của pháp luật, đó là đã được công chứng đúng theo quy định của pháp luật, phát sinh hiệu lực đối kháng đối với bên thứ ba theo quy định của

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP. Cần phải xem xét yếu tố lỗi của cơ quan công chứng, dẫn đến việc ngân hàng bị thiệt hại. Đối với yêu cầu giám định và Kết luận giám định chữ ký của bà M1 trong Hợp đồng số 8248 là chưa xác đáng. Bởi vì, hai đối tượng được so sánh không đồng nhất và có sự khác nhau, đối tượng giám định là chữ “Phạm Thị M1”, còn đối tượng dùng để so sánh là chữ “M1”. Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm không xác định yếu tố thực tế bà M1 có tham gia việc công chứng Hợp đồng số 8248 hay không. Bản án sơ thẩm bỏ qua yếu tố lỗi và giải quyết hợp đồng vô hiệu. Do đó, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xác định lỗi của công chứng viên. Công ty N đã không hoạt động nữa, gây nên thiệt hại cho ngân hàng, đề nghị xác định mức thiệt hại của ngân hàng. Bản án sơ thẩm đã không xác định lỗi của từng cá nhân, các cơ quan liên quan cố ý hoặc vô ý gây thiệt hại trên cho ngân hàng là thiếu sót. Đối với hợp đồng thế chấp số 5046 Bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng có hiệu lực nhưng không tuyên đầy đủ là thực hiện như thế nào, không xem xét quyền ưu tiên thanh toán cho ngân hàng trong thứ tự thanh toán vì Công ty N ký thế chấp cho Ngân hàng NT chi nhánh B trước. Về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm cũng thiếu sót, không đưa công chứng viên vào tham gia tố tụng để xác định bà M1 có tham gia thế chấp không, không đưa Vietcombank vào tham gia tố tụng vì liên quan đến xe ô tô Asia BKS 47K-6628, không đưa ông Trần Văn Đông X, và Ngô X2 tham gia tố tụng vì những người này thuê đất của gia đình bà M1 từ 20/01/2019 đến 20/01/2021 để trồng cây nông nghiệp. Thêm đó, ông V đưa ra yêu cầu độc lập sau khi mở phiên họp, hoà giải là không đúng quy định về tố tụng. Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX huỷ 1 phần bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Kết luận giám định số 138/KLGD ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ viết “M1” trong hợp đồng thế chấp số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N và bà Phạm Thị M1 so với các chữ viết của bà Phạm Thị M1 không phải là một người viết ra. Mặt khác, tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, Giấy CNQSD đất số D 0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 vẫn mang tên ông Nguyễn Văn A. Biên bản họp gia đình ngày 26/12/2007 chỉ thể hiện 03/06 thành viên trong gia đình thống nhất ký tên về việc để thừa kế cho bà Phạm Thị M1. Do đó, án sơ thẩm tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC bị vô hiệu là có căn cứ. Ngoài ra, đối với yêu cầu kháng cáo về việc xác định lỗi và bồi thường thiệt hại, thì Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật. Từ những phân tích

trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ngân hàng NT Việt Nam (gọi tắt là ngân hàng) là trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa mở lần thứ hai, tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa ngày 15/4/2022, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Dương Hiền T1 đề nghị Tòa án tạm ngưng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ là mẫu chữ ký của bà Phạm Thị M1 để thực hiện giám định lại chữ ký “Phạm Thị M1” trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N và các tài liệu khác có chữ ký, điểm chỉ của bà Phạm Thị M1.

Tuy nhiên, đến ngày 11/5/2022, ông Dương Hiền T1 có đơn xin rút lại yêu cầu giám định chữ ký nêu trên; do đó, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và không xem xét yêu cầu xin giám định lại chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[3.2] Xét kháng cáo về việc đề nghị cấp phúc thẩm công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa nguyên đơn với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N (gọi tắt là công ty) và bà Phạm Thị M1 có hiệu lực pháp luật:

Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201000409 ngày 03/12/2010 vay với số tiền 3.600.000.000đ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, giữa ngân hàng và công ty đã ký kết với nhau 02 hợp đồng thế chấp là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 5046/HĐTC ngày 15/12/2009, gồm các tài sản sau: 01 xe ô tô khách Hyundai, 01 xe ô tô Asia, 01 xe

ô tô tải Hyundai và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 23.880m², trong đó đất khu dân cư 1.940m², đất màu 750m², đất cà phê 21.190m², tại các thửa đất số 170, 43, 54, 31; tờ bản đồ số 10, 11, 11, 2 tại xã P1, huyện G, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 (vào sổ số 54022 QSDĐ/BH03) cho ông Nguyễn Văn A.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 là vô hiệu. Vì bà M1 không biết chữ nên không thể ghi được họ và tên lót mà chỉ ghi được tên. Tòa án đã tiến hành gửi các mẫu giám định cho Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk.

Tại kết quả giám định số 138/KLGĐ ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ viết “M1” trong hợp đồng thế chấp số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N và bà Phạm Thị M1 so với các chữ viết của bà Phạm Thị M1 không phải là một người viết ra. Như vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC bị vô hiệu do giả tạo theo Điều 124 Bộ luật dân sự. Án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn V về việc tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa Ngân hàng với Công ty vô hiệu là có cơ sở. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, án sơ thẩm tuyên buộc Ngân hàng NT Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị M1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 (vào sổ số 54022 QSDĐ/BH03) cho ông Nguyễn Văn A là phù hợp.

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa nguyên đơn Ngân hàng NT Việt Nam với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch và thương mại N và bà Phạm Thị M1 có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Về kháng cáo của Ngân hàng đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy CNQSD đất số D0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 cho ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị M1:

Do Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa nguyên đơn với bị đơn và bà Phạm Thị M1 bị vô hiệu nên không có căn cứ để chấp nhận việc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có GCNQSD đất số

D0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 cho ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị M1.

[3.4] Về nội dung kháng cáo trường hợp cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu, đề nghị cấp phúc thẩm xác định hành vi, lỗi sai phạm của tổ chức, cá nhân để buộc bồi thường thiệt hại cho ngân hàng:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ngân hàng không có yêu cầu về việc xác định hành vi, lỗi sai phạm của tổ chức, cá nhân để buộc bồi thường thiệt hại cho ngân hàng; do đó, cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Bên cạnh đó bị đơn vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng và chưa có thiệt hại thực tế xảy ra đối với việc hủy hợp đồng thế chấp nêu trên nên không có căn cứ để giải quyết yêu cầu của ngân hàng về việc xác định hành vi, lỗi sai phạm để buộc bồi thường thiệt hại cho ngân hàng.

[4] Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng Kết luận giám định số 138/KLGD ngày 15/9/2020 chưa xác đáng và đề nghị xem xét quyền ưu tiên thanh toán cho ngân hàng trong thứ tự thanh toán đối với hợp đồng thế chấp số 5046 là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Việc Ngân hàng đề nghị Toà án xác định lỗi và thiệt hại đối với tổ chức công chứng là không có căn cứ và vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên xét thấy kháng cáo của ngân hàng Ngân hàng NT Việt Nam là không có cơ sở nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng NT Việt Nam – Giữ nguyên bản án KDTM sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 173 và điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 131, Điều 133, Điều 217, Điều 218, Điều 293, Điều 299, Điều 327, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010, được sửa đổi, bổ sung ngày 20/11/2017; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NT Việt Nam.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N phải trả cho Ngân hàng NT Việt Nam số tiền 10.796.464.534đ (trong đó tiền gốc là 3.379.746.000đ, tiền lãi trong hạn 5.181.935.515đ, tiền lãi chậm trả 2.234.783.019đ) tạm tính đến ngày 02/6/2021 và tiếp tục tính lãi từ ngày 03/6/2021 theo hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201000409 ngày 02/12/2010 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N với Ngân hàng NT Việt Nam.

Chấp nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 5046/HĐTC ngày 15/12/2009 giữa Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N. Ghi nhận việc Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N đã bàn giao 02 tài sản là xe ô tô khách nhãn hiệu Hyundai số máy 4BH1162985, số khung HP1U362876, giấy đăng ký xe ô tô số 0018997 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/12/2004, biển kiểm soát 47L-3738 và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai số máy D6AUP103589, số khung 19UPPU000804, giấy đăng ký xe ô tô số 0007793 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/9/2007, biển kiểm soát 47K-8166 cho Ngân hàng NT Việt Nam. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N có nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng tín dụng đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Asia, nhãn hiệu GRANTO, màu sơn: Trắng, số máy H100600945, số khung 62VK000958, giấy đăng ký xe ô tô số 0020304 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/06/2005, biển kiểm soát 47K-6628, hiện nay đã được bà Lê Thị Thúy O sở hữu ngay tình.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn V:

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8248/TC ngày 03/12/2010 giữa Ngân hàng NT Việt Nam với Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N và bà Phạm Thị M1 là vô hiệu.

Buộc Ngân hàng NT Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị M1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0445390 do UBND huyện G cấp ngày 26/10/1994 cho ông Nguyễn Văn A.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.1] Về chi phí định giá, thẩm định:

Ngân hàng NT Việt Nam phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí định giá, thẩm định, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ mà Ngân hàng NT Việt Nam đã nộp vào ngày 09/11/2020.

Ngân hàng NT Việt Nam phải chịu 5.040.000đ tiền chi phí giám định. Ông Nguyễn Văn V được nhận lại số tiền 5.040.000đ sau khi thu được từ Ngân hàng NT Việt Nam.

[3.2] Về án phí KDTM sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch và thương mại N phải chịu 179.946.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng NT Việt Nam phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 58.727.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2017/001405 ngày 20/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Ngân hàng NT Việt Nam được nhận lại số tiền 58.427.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Ông Nguyễn Văn V được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/001022 ngày 13/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

[3.3] Về án phí KDTM phúc thẩm:

Ngân hàng NT Việt Nam phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí KDTM phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0007849 ngày 17/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện G;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Duy Tuấn